

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NÔNG DÂN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. VŨ THỊ THU HIỀN

Học viện Chính trị khu vực IV

● **Tóm tắt:** An sinh xã hội là một trong những trụ cột quan trọng của hệ thống chính sách phát triển bền vững quốc gia, góp phần thúc đẩy công bằng xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh cho toàn dân nói chung, nông dân nói riêng là một trong những nội dung xuyên suốt trong công cuộc kháng chiến kiến quốc và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Bài viết làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh xã hội đối với nông dân, từ đó, chỉ rõ sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, hướng tới mục tiêu nhân văn, tiến bộ.

● **Từ khóa:** Hồ Chí Minh; An sinh xã hội; Nông dân; Đảng Cộng sản Việt Nam.



1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh xã hội đối với nông dân

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đời sống của giai cấp nông dân - lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam. Theo Người, nông dân không chỉ là chủ thể sản xuất ra của cải vật chất mà còn là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Trong Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc (ngày 10-1-1946), Người nêu rõ: “Chúng ta phải thực hiện ngay:/ 1. Làm cho dân có ăn./ 2. Làm cho dân có mặc./ 3. Làm cho dân có chỗ ở./ 4. Làm cho dân có học hành”¹; “Làm cho người nghèo thì đủ ăn./ Người đủ ăn thì khá giàu./ Người khá giàu thì giàu thêm”²... Trong bối cảnh đời sống của Nhân dân, đặc

biệt là nông dân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu ăn, thiếu mặc, không nhà cửa, không được học hành..., Người đã chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của chính quyền “phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”³. Tư tưởng này của Người đã đặt nền móng cho chính sách an sinh xã hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong tác phẩm *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã khẳng định sự đóng góp to lớn của nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay

ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁴. Với mục tiêu tạo động lực để nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, Người chú trọng chính sách miễn thuế nông nghiệp cho nông dân để họ được “hi hã, mát dạ, mát lòng”. Miễn thuế nông nghiệp không chỉ là chính sách kinh tế mà còn là chính sách xã hội, thể hiện rõ tinh thần “lấy dân làm gốc”⁵, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước, việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân không chỉ là điều kiện để người dân nông thôn có cuộc sống ổn định, yên tâm sản xuất, mà còn là thước đo của sự công bằng, nhân văn trong đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm an sinh xã hội không chỉ mang ý nghĩa về kinh tế - xã hội mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng của sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “...chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi./ Vì vậy cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*”⁶. Tư tưởng của Người đã thể hiện tính nhân văn sâu sắc, luôn đặt trọng tâm vào việc đảm bảo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của người nông dân cùng các giai tầng khác trong xã hội. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình lãnh đạo nông dân và các giai tầng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, việc đảm bảo an sinh xã

hội đối với nông dân còn là trách nhiệm của bản thân mỗi người nông dân. Cụ thể, Người đã kêu gọi mỗi người nông dân phải tích cực lao động, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế, coi đó là việc làm thiết thực nhất để giữ vững tự do, độc lập và xây dựng đời sống mới. Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong bài viết *Gửi Nông gia Việt Nam* đăng trên báo *Tác Đất*, ngày 7-12-1945: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”⁷.

Hồ Chí Minh luôn căn dặn, Đảng phải chú trọng giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng cho mọi người dân, đặc biệt là nông dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế trong xã hội, Người chỉ rõ: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *Nâng cao đời sống của nhân dân*”⁸. Tư tưởng nhất quán của Người thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển văn hóa và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển kinh tế mà không chăm lo đời sống cho nông dân - lực lượng chủ yếu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia - sẽ dẫn đến suy thoái kinh tế nông nghiệp và gia tăng tình trạng bất bình đẳng. Do vậy, việc nâng cao đời sống của người nông dân không chỉ là yêu cầu xã hội mà còn là điều kiện để củng cố nền tảng kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của quốc gia.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh xã hội cho nông dân xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta với “tinh thần tương thân, tương ái”, “lá lành đùm lá rách”, thể hiện “tình yêu thương, giúp đỡ, hỗ trợ nhau” khi gặp khó khăn, rui ro trong cuộc sống. Cụ thể, sau Cách mạng tháng Tám năm

1945, Người đề xướng phong trào quyên gạo cứu đói - một phong trào tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách với nhiều hình thức phong phú như “hũ gạo cứu đói”, “ngày đồng tâm nhịn ăn”. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng./ Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: / *Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa.* Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo [...] Tôi chắc rằng, đồng bào ta ai cũng sẵn lòng cứu khổ cứu nạn, mà hăng hái hưởng ứng lời đề nghị nói trên”⁹. Mỗi gia đình dành một phần nhỏ gạo của mình để cứu dân nghèo, cùng chung sức, đồng lòng đẩy lùi nạn đói. Đây là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta thể hiện trách nhiệm của Nhà nước, cộng đồng trong việc tham gia bảo đảm an sinh cho toàn dân nói chung và nông dân nói riêng.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh xã hội đối với nông dân đã thể hiện tính nhân văn sâu sắc, chú trọng lấy con người làm trung tâm. Hiệu quả của việc đảm bảo an sinh xã hội thể hiện quyền làm chủ, tính dân chủ, tính cộng đồng, tạo động lực để người nông dân phát huy có hiệu quả vai trò, trách nhiệm của mình vì mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo đảm an sinh xã hội đối với nông dân

Bước vào thời kỳ đổi mới, vấn đề bảo đảm an sinh xã hội cho người dân nói chung và nông dân nói riêng là một trong những chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Tại Đại hội VI (năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ mục tiêu phải ổn định đời sống kinh tế, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội. Cụ thể, “bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ

ấm; đáp ứng tốt hơn nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở”¹⁰. Trong những năm đầu của quá trình đổi mới, đời sống của các tầng lớp nhân dân nói chung và người nông dân nói riêng còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, cơ sở vật chất, hạ tầng nông thôn yếu kém chưa đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu cơ bản. Trong đó, chú trọng bảo đảm những nhu cầu an sinh cơ bản cho người dân, đặc biệt là nông dân đóng vai trò quan trọng, phải bảo đảm ăn đủ no, mặc đủ ấm để bảo vệ sức khỏe, giảm bệnh tật, chú trọng phát triển y tế, giao thông, giáo dục, văn hóa đặc biệt là nhà ở. Đây là những nhu cầu an sinh cơ bản giúp nông dân cải thiện đời sống, tập trung sản xuất và tham gia các phong trào kinh tế - xã hội, tạo nền tảng cho đổi mới kinh tế.

Tại Đại hội VII (năm 1991), vấn đề bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục được Đảng ta nhấn mạnh trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: “...phấn đấu xóa nạn đói, giảm số người nghèo khổ, giải quyết vấn đề việc làm, bảo đảm các nhu cầu cơ bản, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân”¹¹. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đã xác định đảm bảo an sinh xã hội cho Nhân dân bao gồm nông dân là mục tiêu chiến lược hướng tới ổn định xã hội, hiện thực hóa đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, đảm bảo cho mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được tạo cơ hội phát triển toàn diện.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh đến mục tiêu bao trùm của an sinh xã hội: “...nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở

thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹². Mục tiêu của an sinh xã hội không chỉ hỗ trợ ngắn hạn mà phải có sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao toàn diện về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần đối với Nhân dân trong đó nông dân là một trong những lực lượng lao động chiếm đông đảo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) tiếp tục khẳng định “kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững”¹³. Quan điểm của Đảng mang tính định hướng trong phát triển kinh tế phải song hành với bảo đảm an sinh xã hội đối với nông dân và các giai tầng xã hội. Thực tế cho thấy, nông dân thường là nhóm dễ bị tổn thương trước biến động của thị trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu. Vì vậy, việc kết hợp hài hòa giữa mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội sẽ tạo điều kiện cho nông dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giảm thiểu rủi ro và ổn định sinh kế. Qua đó, hệ thống chính sách an sinh xã hội không chỉ góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển nông thôn - thành thị, mà còn tạo nền tảng xã hội vững chắc cho mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ở khu vực nông thôn.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) diễn ra trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động. Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, khó khăn, thách thức mà nước ta phải đối mặt cũng rất lớn như tình trạng phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, việc

làm bấp bênh trong khu vực phi chính thức, đặc biệt là ở nông thôn. Trong bối cảnh đó, Đại hội XII của Đảng khẳng định cần: “Quan lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập [...] chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”¹⁴. Như vậy, quan điểm của Đảng thể hiện định hướng phát triển xã hội toàn diện, trong đó an sinh xã hội được xác định là trụ cột của ổn định và phát triển bền vững. Đối với khu vực nông thôn, quan điểm này yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội cho nông dân theo hướng đồng bộ, bao gồm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng dân số, mở rộng cơ hội việc làm và tăng thu nhập. Đồng thời, việc tăng cường các chính sách phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu giữ vai trò thiết yếu trong bảo vệ sinh kế của người nông dân trước các rủi ro ngày càng gia tăng.

Tiếp đó, Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) đã xác định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”¹⁵. Đây là quan điểm thể hiện rõ tư tưởng “dân là gốc” trong đường lối phát triển của Đảng. Đồng thời, chỉ rõ cần tiếp tục: “Từng bước hoàn thiện đồng bộ và thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội [...] Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân; thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách đối với người có công; tiếp tục cải thiện chính

sách tiền lương; mở rộng bảo hiểm xã hội; tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt trên 90%”¹⁶. Thực hiện chính sách an sinh xã hội cần xuất phát từ lợi ích, nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của người dân, chú trọng mở rộng bảo hiểm xã hội tự nguyện, mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân giúp nông dân tiếp cận dịch vụ y tế với chi phí hợp lý, thực hiện trợ giúp xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới giúp người nông dân an tâm lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và đô thị.

Trên thực tế, các trụ cột an sinh xã hội được đề cập trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 1-6-2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020¹⁷ bao gồm các trụ cột cơ bản: 1) Giải quyết việc làm giúp người dân phòng ngừa rủi ro; 2) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhằm giảm thiểu rủi ro; 3) Trợ giúp xã hội góp phần hỗ trợ, khắc phục rủi ro; 4) Các dịch vụ xã hội cơ bản. Đây cũng là những trụ cột an sinh xã hội đối với nông dân. Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng về các trụ cột của an sinh xã hội đối với nông dân, Nhà nước ta đã ban hành các chính sách cụ thể sau:

Một là, giải quyết việc làm cho nông dân.

Giải quyết việc làm là một trong những chính sách giúp người nông dân có thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách an sinh xã hội để đảm bảo việc làm cho người dân nói chung và nông dân nói riêng. Cụ thể, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 3685/QĐ-BNN-KTHT ngày 29-9-2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch

đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025 góp phần giải quyết việc làm, ổn định thu nhập, bảo đảm an sinh. Theo số liệu thống kê, trong thời gian thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn (2010-2020), cả nước có gần 10 triệu lao động nông thôn được học nghề, đạt 89% mục tiêu đề ra (11 triệu người), trong đó gần 4,6 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề theo Đề án 1956, đạt 65% kế hoạch (7,052 triệu người)¹⁸. Kết quả đào tạo nghề đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Hai là, hướng tới bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với nông dân.

Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế tự nguyện là trụ cột quan trọng trong chính sách an sinh xã hội nhằm bảo đảm quyền lợi và nâng cao đời sống cho nông dân. Điều 5, Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25-6-2025 quy định hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho các nhóm đối tượng nông dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số¹⁹. Điều 12, Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi năm 2024) quy định, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng bao gồm hộ gia đình nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính, tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế ở vùng nông thôn²⁰. Ngoài ra, ngày 14-7-2022, Hội Nông dân Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ký Quy chế phối hợp số 04/QCPH-HND-BHXH giai đoạn 2022-2025 nhằm tăng cường sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế hộ gia đình. Theo số liệu thống kê, qua hai năm thực hiện đã vận động được 570.067 hội viên, nông dân

tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; 8.752.719 hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 463.063 hội viên, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và 57.166 cán bộ chi, tổ, hội tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Các cấp Hội đã xây dựng và duy trì được 2.552 mô hình “Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân” với 295.498 người tham dự²¹. Những nỗ lực này góp phần tạo điều kiện để người nông dân có khoản tích lũy khi hết tuổi lao động hoặc gặp biến cố về sức khỏe.

Ba là, trợ giúp xã hội đối với nông dân.

Trợ giúp xã hội đối với nông dân nhằm bảo đảm sự hỗ trợ kịp thời cho những nhóm đối tượng yếu thế ở khu vực nông thôn như hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi đơn thân và các đối tượng khó khăn khác. Từ năm 2025, mức chuẩn trợ giúp xã hội được điều chỉnh lên 500.000 đồng/tháng theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 1-7-2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15-3-2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội²² đã tạo điều kiện để các địa phương tăng quy mô và chất lượng trợ cấp xã hội hàng tháng cho nông dân và các đối tượng khác. Cơ chế thực hiện chính sách trợ giúp xã hội được vận hành thông qua sự phối hợp của các cấp chính quyền, Hội Nông dân cùng các tổ chức xã hội đảm bảo sự minh bạch, công khai và tối ưu hiệu quả nguồn lực. Ngoài ra, hỗ trợ đột xuất đối với nông dân khi gặp thiên tai, mưa bão, biến đổi khí hậu được quy định trong Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10-1-2025 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật đã tạo cơ sở, tiền đề giúp nông dân khắc phục rủi ro,

phục hồi phát triển sản xuất, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn ổn định và bền vững. Theo số liệu thống kê, cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập)²³, góp phần hỗ trợ nông dân và các đối tượng yếu thế phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro trong suốt cuộc đời. Đặc biệt, các địa phương đã chú trọng huy động lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, nguồn lực vật chất tại chỗ, chi huy tại chỗ... để hỗ trợ kịp thời cho các hộ gia đình (có người chết, mất tích, bị thương, nhà ở bị đổ, sập, hư hỏng nặng, không có chỗ ở, thiếu lương thực trong và sau thiên tai), kịp thời bảo đảm an sinh xã hội và giúp cho sớm ổn định sản xuất.

Bốn là, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản đối với nông dân.

Thực tế cho thấy, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đảm bảo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đối với nông dân đã được triển khai toàn diện nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhóm đối tượng này. Về cơ bản, các dịch vụ xã hội được tích hợp trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc tích hợp này giúp nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn. Trên cơ sở đó, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, đảm bảo bình đẳng về cơ hội thụ hưởng các dịch vụ xã hội thiết yếu cho nông dân.

Về nhà ở, Nhà nước có chính sách ưu tiên các gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu được hưởng chính sách về nhà ở xã hội. Bên

cạnh đó, Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 9-11-2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước và chương trình Mái ấm nông dân²⁴ do Hội Nông dân ở các địa phương phát động đến các cấp Hội, cán bộ, hội viên nông dân ủng hộ kinh phí xây dựng Quỹ để giúp đỡ hội viên có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo “an cư lạc nghiệp”.

Về giáo dục và y tế, hướng tới tiếp cận các dịch vụ giáo dục cho nông dân thông qua nhiều chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia như xây dựng nông thôn mới, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, mở rộng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đào tạo nghề cho nông dân... Bên cạnh đó, nông dân và con em họ được thụ hưởng các chính sách như miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27-8-2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18-7-2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội dành cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc vùng đặc biệt khó khăn... Việc triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách này đã giúp nông dân và con, em họ có cơ sở pháp lý để tiếp cận các dịch vụ giáo dục thiết yếu thông qua cơ chế hỗ trợ tài chính trực tiếp từ Nhà nước và cộng đồng xã hội. Ngoài ra, việc tiếp cận dịch vụ y tế được tăng cường thông qua chính sách tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đã tạo điều kiện để nông dân được khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe với chi phí hợp lý.

Về nước sạch và vệ sinh môi trường, chính

sách đảm bảo nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường cho nông dân được thực hiện thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 2-8-2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025... Những chính sách này góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân, giảm thiểu các bệnh liên quan đến việc sử dụng nguồn nước kém chất lượng, bảo đảm môi trường sinh hoạt, sản xuất an toàn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững...

Về thông tin, việc tiếp cận thông tin cho nông dân được thực hiện thông qua các chính sách và chương trình cụ thể nhằm nâng cao kỹ năng số, phổ cập công nghệ và phát triển hạ tầng thông tin vùng nông thôn. Cụ thể, Công văn số 3139/BTTTT-KTS&XHS ngày 31-7-2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn (phiên bản 1.0) đã tạo cơ sở, tiền đề để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham khảo, chỉ đạo triển khai tại địa phương. Trong đó, chỉ rõ: “Khung kỹ năng số cơ bản và khung chương trình bồi dưỡng (phiên bản 1.0) bao gồm các kỹ năng số cần thiết, được khuyến nghị trang bị cho người dân để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại, cải thiện hiệu suất công việc, đảm bảo sự phát triển bền vững của cá nhân và xã hội”²⁵. Bên cạnh đó, các chính sách khuyến khích phát triển hạ tầng viễn thông, internet nông thôn, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin đã

giúp người nông dân tiếp cận chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, thông tin thị trường, công nghệ sản xuất ngày càng kịp thời hơn. Ngoài ra, chương trình chuyển đổi số quốc gia tập trung phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số ở khu vực nông thôn sẽ giúp thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan truyền thông, báo chí và các tổ chức xã hội như Hội Nông dân... cũng giúp truyền tải thông tin về phát triển kinh tế số và sản xuất nông nghiệp hiệu quả đến người nông dân. Điều này góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, từ đó cải thiện đời sống và tăng thu nhập cho họ.

Như vậy, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân nói chung và nông dân nói riêng là chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Chính sách này nhằm hỗ trợ nông dân gặp rủi ro, khó khăn trong cuộc sống trước các tác động bất thường từ môi trường tự nhiên và xã hội. Nhờ đó, nông dân có thêm cơ hội việc làm, được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm quyền lợi, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đây cũng là mục tiêu chính trị quan trọng để hiện thực hóa lý tưởng xã hội chủ nghĩa, hướng tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho toàn dân, trong đó nông dân giữ vai trò đặc biệt quan trọng ■

^{1, 7, 9} Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.175, 135, 33.

^{2, 5} Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.5, tr.81, 501.

³ Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.10, tr.452.

^{4, 8} Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.15, tr.617, 622.

⁶ Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.9, tr.518.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.43.

¹¹ *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 22-2-2017.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.159.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.124.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.78.

^{15, 16} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.96, 65.

¹⁷ Xem: Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 1-6-2012 một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 và hệ thống an sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2012-2020*.

¹⁸ Xem: *Đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn đi vào chiều sâu, hiệu quả*, <https://consosukien.vn>, ngày 19-9-2024.

¹⁹ Xem: Chính phủ, *Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25-6-2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*, Điều 5.

²⁰ Xem: Quốc hội, *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế*, Luật số 51/2024/QH15, ngày 27-11-2024, Điều 12.

²¹ Xem: *Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam: Đánh giá kết quả 2 năm thực hiện Quy chế phối hợp*, <https://baohiemxahoi.gov.vn>, ngày 2-2-2024.

- ²² Xem: *Tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 500.000 đồng/tháng từ ngày 1-7-2024*, <https://nhandan.vn>, ngày 3-7-2024.
- ²³ Xem: *Hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội, hướng tới bảo đảm an sinh xã hội*, <https://molisa.gov.vn>, ngày 25-1-2023.
- ²⁴ Xem: *Quyển “Mái ấm nông dân” đồng hành với hội viên nghèo*, <https://mst.gov.vn>, ngày 1-10-2023.
- ²⁵ Bộ Thông tin và Truyền thông, *Công văn 3139/BTTTT-KTS&XHS ngày 31-7-2024 hướng dẫn Khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn (phiên bản 1.0)*.



GIỚI THIỆU SÁCH

CÔNG NGHIỆP KHÔNG CARBON: CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG

TÁC GIẢ: JEFFREY RISSMAN

Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật

Năm xuất bản: 2024

Số trang: 568

Công nghiệp không carbon là một vấn đề quan trọng trong việc giảm lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu và ứng phó với biến đổi khí hậu. Do đó, việc chuyển đổi sang quy trình sản xuất không carbon không chỉ giúp giảm lượng phát thải khí nhà kính, mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững và kinh tế sạch, tạo ra những công nghệ mới như năng lượng tái tạo và sản phẩm tiết kiệm năng lượng... Việt Nam đang trong quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và cùng nỗ lực với cộng đồng quốc tế để đạt được mục tiêu chung về khí hậu và môi trường. Vì vậy, nghiên cứu và phát triển công nghiệp không carbon chính là giải pháp tối ưu nhất để phát triển kinh tế song hành với bảo vệ môi trường.

Cuốn sách *Công nghiệp không carbon: Chuyển đổi công nghệ và chính sách để đạt được thịnh vượng bền vững* gồm 3 phần. *Phần 1*: Tập trung nghiên cứu, phân tích, đánh giá ba ngành công nghiệp phát thải cao nhất, gồm: Sắt và thép; hóa chất; xi măng và bê tông. *Phần 2*: Mô tả các công nghệ xuyên suốt rất quan trọng trong quá trình khử carbon của công nghiệp toàn cầu, gồm: Hiệu suất năng lượng; hiệu quả sử dụng vật liệu, thay thế vật liệu và kinh tế tuần hoàn; điện khí hóa; hydro và những nhiên liệu tái tạo khác; thu hồi và sử dụng hoặc lưu trữ carbon. *Phần 3*: Giải thích cách thức hoạt động của các chính sách (định giá carbon và các chính sách tài chính khác; tiêu chuẩn và mua sắm công xanh; nghiên cứu và phát triển, công bố, ghi nhãn và chính sách kinh tế tuần hoàn; công bằng và phát triển con người) ■

KIM ANH giới thiệu